

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+CLO+RC3	7:25	7+15+0	0+0+0		7+14+1	0+0+0	
2		P8+P7+TD2	7:25	22+0+0	0+0+0		14+2+6	0+0+0	
3		P9+TD1	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
4		P8+RP3+RP2	9:25	20+1+1	0+0+0		0+15+7	0+0+0	CHUYEN 2 RP3 RP2
5		P11+RC5+CLO	11:25	5+8+7	0+0+0		0+13+5	0+0+0	
6		TD1+VSP02+RP3	13:25	15+7+0	0+0+0		1+5+16	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2024	TO: VSP01 - CLO - RC3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN VĂN TRƯỞNG	VSP01	70	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THUỖNG HAI	VSP01	67-68	2	10			50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	VSP01	71	1	7			81	ANTOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	72	1	8	1	13	67	PSV	Vietnamese
5	HÀ THÈ BÌNH	VSP01	76	1	2			67	PSV	Vietnamese
6	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	74-75	2	13			62	PSV	Vietnamese
7	MAI CAO ĐỊNH	VSP01	69	1	5			60	PSV	Vietnamese
8	VOROBYEV SERGEY	CLO	97	1	12			100	KHOAN	Russian
9	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	92	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MẠNH THẮNG	CLO	95	1	3	1	20	63	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ MINH TỬ	CLO	90	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	87	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HUY	CLO	89	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	700	1	3			82	KHOAN	Vietnamese
15	CHU ĐỨC AI	CLO	96	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG ANH VĂN	CLO	91	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TÂM	CLO	88	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
18	CAO VĂN VIỆT	CLO	93	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	94	1	4			54	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH BẢO	CLO	86	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
21	BUI THAI QUI	CLO	99	1	12			77	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ HUYNH TRUNG	CLO	98	1	9			77	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	7	457	9	52	1	13	7		
2	CLO	15	1.085	15	98	1	20	14		
3	RC3	0	0	0	0	2	40	1		
TOTAL		22	1.542	24	150	4	73	22		
WEIGHT KG			1.542		150		73			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2024	TO: P8 - P7 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VIỆT - SON - TOAN	ETA: 09:25
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ ĐỨC TIỀN	P8	69	1	5			72	THIÊN NAM	Vietnamese
2	NGUYEN NGHIA TUONG	P8	81	1	5			70	THIÊN NAM	Vietnamese
3	VÔ THANH SƠN	P8	66-67	2	10			60	THIÊN NAM	Vietnamese
4	TRẦN VĂN ĐẠI	P8	72	1	3			71	THIÊN NAM	Vietnamese
5	VŨ QUANG LONG	P8	73	1	8			92	THIÊN NAM	Vietnamese
6	DOÀN HỮU TRUYỀN	P8	68	1	10			62	THIÊN NAM	Vietnamese
7	NGUYEN BA	P8	70	1	10			78	THIÊN NAM	Vietnamese
8	ROBERT JOHN NAGLE	P8	75-76	2	20			85	THIÊN NAM	New Zealand
9	HICHAM KHOULED	P8	79	1	10			84	THIÊN NAM	Algeria
10	BUI SONG TOAN	P8	04	1	10			72	THIÊN NAM	Vietnamese
11	HAMZA REDJAI	P8	78	1	5			117	THIÊN NAM	Algeria
12	CAO VĂN TÂN	P8	01	1	5			74	THIÊN NAM	Vietnamese
13	NGUYEN TAT PHONG	P8	74	1	5			72	THIÊN NAM	Vietnamese
14	NGUYEN CONG QUOC DAT	P8	71	1	5			63	THIÊN NAM	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC TUÂN	P8	02	1	7			75	THIÊN NAM	Vietnamese
16	TRẦN VĂN GIÁP	P8	03	1	3			78	THIÊN NAM	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LE	P8	77	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ANH TU	P8	82-83	2	15			70	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ ĐỨC KHAI	P8	99	1	5			72	THIÊN NAM	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC PHÚC	P8				1	26	62	THIÊN NAM	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC TIN	P8	84	1	10			55	THIÊN NAM	Vietnamese
22	BUI NGUYEN TRUNG HẬU	P8	85	1	6			60	THIÊN NAM	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	22	1.614	24	162	1	26	14		
2	P7	0	0	0	0	2	40	2		
3	TD2	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	1.614	24	162	3	66	22		
WEIGHT KG			1.614		162		66			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2024	TO: P9 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: QVIỆT - SON - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO VĂN HUÂN	P9	46	1	7			80	PVMR	Vietnamese
2	HAMSIR BIN ASHARI	P9	44-45	2	19			60	PVMR	Malaysian
3	VU HANG HAI	P9	47	1	8			68	PVMR	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH DŨNG	P9	48	1	5			96	KH-THAC	Vietnamese
5	BADRETDINOV EDGAR	TD1	82	1	7			79	KHOAN	Russian
6	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	73-74	2	8			80	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	78	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THIỆU	TD1	72	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	76	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	TD1	75	1	11			90	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ANH TUÂN	TD1	69	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
13	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	81	1	3			70	PSV	Vietnamese
14	ĐẠU ĐỨC HÙNG	TD1	66	1	7			73	PSV	Vietnamese
15	VU HOANG QUÂN	TD1	71	1	5			55	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN NINH	TD1	79-80	2	13			80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC DŨNG	TD1	70	1	8	4	24	65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	68	1	7	2	25	64	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	77	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	64	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG XUAN THI	TD1	65	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
22	LUU QUANG ĐẠT	TD1	67	1	15			72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	4	304	5	39	0	0	0		
2	TD1	18	1.339	19	126	6	49	22		
TOTAL		22	1.643	24	165	6	49	22		
WEIGHT KG			1.643		165		49			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2024	TO: P8 - RP3 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: N.ANH - VTHẮNG - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN THANH TÂM	P8						55	THIÊN NAM	Vietnamese
2	LÊ MINH THUẬN	P8	76	1	12			60	THIÊN NAM	Vietnamese
3	LÊ VĂN HAO	P8						77	THIÊN NAM	Vietnamese
4	NGUYỄN NGHĨA TUẤN	P8	88	1	2			70	THIÊN NAM	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN LINH	P8	72	1	3			75	THIÊN NAM	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN BĂNG	P8	74	1	5			75	THIÊN NAM	Vietnamese
7	JOHN MAXWELL BECK	P8	80-81	2	10			103	THIÊN NAM	New Zealand
8	ZAKARIA LAROUCI	P8	75	1	8			120	THIÊN NAM	Algeria
9	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	P8	70	1	4			57	THIÊN NAM	Vietnamese
10	VŨ NGỌC ĐIệp	P8	71	1	5			74	THIÊN NAM	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH MẠNH	P8	77	1	5			61	THIÊN NAM	Vietnamese
12	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHAN	P8	82-83	2	5	1	20	52	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NGỌC THAI SƠN	P8	89	1	14	3	43	75	CODIEN	Vietnamese
14	HŨA HÙNG SƠN	P8	85-86	2	17			70	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	P8						67	PSV	Vietnamese
16	LÊ CAO HAI	P8	79	1	7			63	PSV	Vietnamese
17	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	78	1	6			55	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	84	1	5			57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN PHU	P8	87	1	5			55	PSV	Vietnamese
20	SADOVNICHENKO DMITRII	P8	73	1	15			105	KHOAN	Russian
21	VŨ VĂN LINH	RP3	90-91	2	20	2	16	70	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI XUÂN TƯỚNG	RP2	54-55	2	17	3	45	62	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	20	1.426	20	128	4	63	0		
2	RP3	1	70	2	20	2	16	15	2	CHUYEN 2 PAX RP3-RP2
3	RP2	1	62	2	17	3	45	7		
TOTAL		22	1.558	24	165	9	124	22		
WEIGHT KG			1.558		165		124			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2024	TO: P11 - RC5 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ HOÀNG THƯỜNG	P11	84-85	2	15			54	PVMR	Vietnamese
2	MUHAMMAD MAZZ JAFRI	P11	83	1	10			80	PVMR	Pakistan
3	TRAN NHAT LE	P11	86-87	2	12			70	PVMR	Vietnamese
4	AHMAD YUSUF BIN ZAMALI	P11	81	1	10	1	12	75	PVMR	Malaysian
5	GORKOV IGOR	P11	80	1	8			88	NIPI	Russian
6	NGUYEN QUANG HOAN	RC5	57	1	10	1	11	87	DVL	Vietnamese
7	PHAN MINH QUÂN	RC5	59	1	13			80	DVL	Vietnamese
8	VŨ ANH TRỌNG	RC5	60	1	12			72	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN VIỆT HUNG	RC5	54-55	2	17			65	DVL	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐẠM	RC5	56	1	10	2	30	68	DVL	Vietnamese
11	ĐỖ MINH HOÀNG	RC5	61	1	15			76	DVL	Vietnamese
12	BUI TRUNG SƠN	RC5	62	1	6			72	PSV	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	CLO	78	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	CLO	77	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NGỌC THẠCH	CLO	74	1	7			58	D-HANH	Vietnamese
16	NGUYEN HAM HA	CLO	75	1	8			64	DVL	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HƯỜNG	CLO	79	1	4	1	15	50	PSV	Vietnamese
18	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	84	1	9			82	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN ĐỨC THĂNG	CLO	76	1	10			100	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN QUANG	CLO	81-82	2	11			72	PSV	Vietnamese
21	BUI QUANG MANH	CLO	83	1	6			70	PVDT	Vietnamese
22	KIEU VAN HUAN	CLO	80	1	12			68	PVDT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	5	367	7	55	1	12	2		
2	RC5	7	520	8	83	3	41	5		
3	CLO	10	698	11	80	1	15	15		
TOTAL		22	1.585	26	218	5	68	22		
WEIGHT KG			1.585		218		68			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/10/2024	TO: TD1 - VSP02 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 16:25
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HỒ CHIẾN THẮNG	TD1	41	1	12			56	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG SƠN	TD1	42-43	2	17			70	CODIEN	Vietnamese
3	ĐINH MAI THIÊN	TD1	55-56	2	15			71	CODIEN	Vietnamese
4	LƯU VĂN DÂN	TD1	40	1	15			61	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN GIANG	TD1	53	1	10			72	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRI PHƯỚC	TD1	39	1	9			71	CODIEN	Vietnamese
7	TRẦN HUY ANH	TD1	47-48	2	22			87	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC TUÂN	TD1	49-50	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHANH	TD1	44-45	2	18			56	XAYLAP	Vietnamese
10	LƯƠNG VĂN THỨC	TD1	51	1	15	1	13	76	XAYLAP	Vietnamese
11	LE XUAN TINH	TD1	36-37	2	13			75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN HỒNG THÀNH	TD1	46	1	18			74	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH QUÂN	TD1	52	1	8			72	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TIỀN SY	TD1	54	1	3			55	PSV	Vietnamese
15	KIEU HAI DUONG	TD1	57	1	8			64	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN XUAN KINH	VSP02	31	1	3	1	20	62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN TIỀN LƯU	VSP02	33	1	6	1	28	66	NIPI	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02	29-30	2	8			82	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	28	1	3			61	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT HA	VSP02	35	1	10			75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	27	1	3			68	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	31	1	9			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	15	1.031	21	199	1	13	1		
2	VSP02	7	472	8	42	2	48	5		
3	RP3	0	0	0	0	2	40	16		
TOTAL		22	1.503	29	241	5	101	22		
WEIGHT KG			1.503		241		101			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2	7:25	22	0		21	0	
2		TTCl+BK15+TD2	7:25	0+3+15	0+0+0		3+0+19	0+0+0	CHUYEN 1 TTCl-BK15
3		P9+P10	9:25	12+10	0+0		9+13	0+0	CHUYEN 2 P9- P10
4		P2+BK4	9:25	18+4	0+0		17+5	0+0	
5		P2+P10	11:25	6+16	0+0		0+22	0+0	
6		TTCl+P11	11:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		P9+P1	11:25	13+5	0+0		12+5	0+0	PUMA
8		BK3+BK10+P4	13:25	8+5+7	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
9		RP1+CTK3+TD2	13:25	0+3+9	0+0+0		6+0+13	0+0+0	CHUYEN 2 RP1- CTK3

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ARUSHANOV SERGEI	RP2	63	1	8			115	KHOAN	Russian
2	TRAN MINH HIEU	RP2	83	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DAM	RP2	62	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TU DO	RP2	64	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN LEN	RP2	78	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN HONG NGU	RP2	74	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN HUNG	RP2	66	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VIET MINH	RP2	65	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM XUAN HUY	RP2	70	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
10	DOAN VAN MUOI	RP2	61	1	15			60	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN MANH	RP2	77	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CANH TAN	RP2						74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO HUU HUY TU	RP2	82	1	4	6	100	74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM HOANG HUNG	RP2	79-80	2	15			85	KH-THAC	Vietnamese
15	ZAKLADNYI R.	RP2	69	1	12			102	ANTOAN	Russian
16	TRAN THANH TUNG	RP2	71	1	5			82	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KHANH	RP2	76	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN TRAN TIN	RP2	59-60	2	10			75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KIM HUONG	RP2	67-68	2	15			64	XAYLAP	Vietnamese
20	LA VAN DUC	RP2	72-73	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TRAN VINH	RP2	81	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG KHAC CUONG	RP2	75	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	22	1.610	25	179	6	100	21		
TOTAL		22	1.610	25	179	6	100	21		
WEIGHT KG			1.610		179		100			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: TTC1 - BK15 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - HUY	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUY GIANG	BK15	82-83	2	18	1	5	68	XAYLAP	Vietnamese
2	BIEN VAN LUONG	BK15	80	1	10	4	60	74	XAYLAP	Vietnamese
3	LE QUANG CUONG	TD2	34	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
4	LY ANH TUAN	TD2	38	1	4			94	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH ANH	TD2	35	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN BAC	TD2	31	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
7	LE NGOC HOA	TD2	25	1	10			75	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN HUY	TD2	24	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGO QUANG HUNG	TD2	33	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THANH GIANG	TD2	30	1	3			74	KHOAN	Vietnamese
11	TRUONG DUC MANH	TD2	28	1	8			80	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG HAI BANG	TD2	32	1	8			91	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN DONG	TD2	26	1	10	1	17	62	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUANG HUNG	TD2	29	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DOAN	TD2	36-37	2	22			58	SCHLUMBE	Vietnamese
16	DO TRONG HIEN	TD2	40-41	2	15			68	DVL	Vietnamese
17	VU THANH DUONG	TD2	39	1	7			88	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC1	0	0	0	0	0	0	3		CHUYEN 1 KHACH TU TTC1 SANG BK15
2	BK15	2	142	3	28	5	65	0		
3	TD2	15	1.143	17	126	1	17	19		
TOTAL		17	1.285	20	154	6	82	22		
WEIGHT KG			1.285		154		82			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TUẤN VŨ	P9	53	1	15			64	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	52	1	8			56	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	57	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN HÌNH	P9	49	1	7	1	11	85	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA KÝ	P9						79	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN HOA	P9	58	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ BA NẾP	P9	54	1	4	1	23	65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	50	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ LĂNG TŨ	P9	61	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	59	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NAM GIANG	P9	51	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	56	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	IAKIMIDI RUSLAN	P10	65	1	10			109	KH-THAC	Russian
14	TRẦN VĂN THẮNG	P10	63	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	900	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	67	1	10	1	15	68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	66	1	3			84	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯƠNG XUÂN THAI	P10	02-03	2	15			71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH TUẤN	P10	01	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THẢO	P10						75	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	57	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH DŨNG	P10	64	1	9			90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	12	846	11	71	2	34	9	2	CHUYEN 2 PAX P9-P10
2	P10	10	779	10	72	1	15	13		
TOTAL		22	1.625	21	143	3	49	22		
WEIGHT KG			1.625		143		49			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: P2 - BK4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - NPHÚ - HUY	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯ TRẦN HUNG	P2	27-28	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
2	VU MINH PHUONG	P2	04	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN SY	P2	05	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUOC KHANH	P2						79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VAN NGHI	P2	03	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	VU VAN NAM	P2	53-54	2	10			61	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG QUOC VIEN	P2	02	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐINH BA HOANG NAM	P2	06	1	10			93	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VAN HAI	P2	52	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HIEN TRUONG	P2						70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG MINH QUAN	P2	29	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC MINH	P2				3	25	71	KH-THAC	Vietnamese
13	BIỆN ĐANG SAM	P2	32	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	31	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN ĐÔNG	P2	30	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HOANG TAM	P2	56	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM THIEN NAM	P2	99	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ANH TUAN	P2	51	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DUY KHANH	BK4	94	1	9	1	15	67	KH-THAC	Vietnamese
20	TONG TRUNG HUY	BK4	97	1	7	1	22	74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG DAN	BK4	96	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
22	HÔ VAN ĐỨC	BK4	98	1	5			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	18	1.248	17	95	3	25	17		
2	BK4	4	272	4	26	2	37	5		
TOTAL		22	1.520	21	121	5	62	22		
WEIGHT KG			1.520		121		62			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: P2 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 14:00
CAM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	P2	600	1	9			84	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ HUY HÙNG	P2	90	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC LƯƠNG	P2	96	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN KIM HA	P2	97-98	2	23			63	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P2	91-93	3	23			60	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM HAI	P2	99	1	7			72	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	22	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH LIÊM	P10	15	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	17	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	18	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P10	12	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ PHƯƠNG HUƠNG	P10	05	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	07	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10						83	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P10	13-14	2	12			93	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	19	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN BAO TOÀN	P10	08	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH CÔNG VĂN	P10	11	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VIỆT LY	P10	16	1	7			77	PSV	Vietnamese
20	VŨ VĂN CHUYỀN	P10	06	1	7			70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HUNG	P10	09-10	2	11			70	NHATHAU	Vietnamese
22	HOANG MINH TÂN	P10	20-21	2	14			77	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	6	423	9	75	0	0	0		
2	P10	16	1.182	18	111	0	0	22		
TOTAL		22	1.605	27	186	0	0	22		
WEIGHT KG			1.605		186		0			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: TTC3 - P11	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - VŨ	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TA TRUNG DUNG	TTC3	45	1	10			92	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THE HOI	TTC3	43	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN LE	TTC3	44	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
4	KOMARITSKIKH K.	TTC3	46	1	10			94	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN VAN TUONG	P11	80	1	7			70	YTE	Vietnamese
6	LE NGOC ANH	P11	43	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN KIM SON	P11	37	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG BANG	P11	30-31	2	8			67	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO THIEN THUAT	P11	35	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG CONG PHUNG	P11	44	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH THIEN TUNG	P11	85	1	11	2	10	72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MANH TRUONG	P11	34	1	10	2	40	80	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CONG HUY	P11	36	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TAN	P11	32	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC TIEN	P11	33	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
16	VU XUAN TAM	P11	38	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TRI NANG	P11	42	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO HOANG NAM	P11	41	1	15	2	52	77	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN KIEU CANH	P11	40	1	6			70	PSV	Vietnamese
20	LE THANH HAI	P11	39	1	5			60	PSV	Vietnamese
21	LE DAC NHA	P11	84	1	10			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC3	4	316	4	36	0	0	0		
2	P11	17	1.195	18	135	6	102	22		
TOTAL		21	1.511	22	171	6	102	22		
WEIGHT KG			1.511		171		102			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: P9 - P1	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: NKHANH - VLINH	ETA: 13:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN MINH HIEN	P9	02	1	9			84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HUY	P9	06	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH THE NHAN	P9	12	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
4	HUA SAY	P9	14	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC HAI	P9	03	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH HUY KHIEM	P9	08	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC THANH	P9	09	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TUẤN MẠNH	P9	01	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN DAT	P9	07	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MẠNH CUONG	P9	10	1	10			100	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUANG MINH	P9	11	1	5			65	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG THANG	P9	13	1	6			65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THANH THAI	P9	04-05	2	17			90	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYEN TRỌNG THUY	P1	03	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC DỤC	P1	303	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
16	NGO HONG GIANG	P1	05	1	8	1	20	72	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SƠN	P1	01-02	2	12			70	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ XUÂN PHƯƠNG	P1	01	1	5			72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	13	936	14	83	0	0	12		
2	P1	5	341	6	35	1	20	5		
TOTAL		18	1.277	20	118	1	20	17		
WEIGHT KG			1.277		118		20			

GRAND TOAL: 1.415 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: BK3 - BK10 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THỤ	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUONG CHI TUYEN	BK3	49	1	12			68	KH-THAC	Vietnamese
2	HO CONG ANH	BK3	47-48	2	13			65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CONG VINH	BK3	50	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN KHAI	BK3	41-42	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRAN VIET	BK3	45	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUNG CONG DU	BK3	46	1	10	1	25	75	KH-THAC	Vietnamese
7	HO DINH LOC	BK3	44	1	5			80	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN HUU	BK3	43	1	9			61	PSV	Vietnamese
9	VU VAN CUONG	BK10	86	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CONG HOAN	BK10	89	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGHIEM XUAN ANH	BK10	88	1	5	1	25	55	KH-THAC	Vietnamese
12	DO TUAN VIET	BK10	87	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	TO CONG TANH	BK10	90	1	5			67	PSV	Vietnamese
14	TRAN DUC THUAN	P4	96	1	8			84	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN HUONG	P4	98	1	5			65	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN BACH DUONG	P4	95	1	5	1	15	70	KHI	Vietnamese
17	NGO THANH LAM	P4	99	1	3			65	KHI	Vietnamese
18	HOANG VAN HUNG	P4						79	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN CHIEN CONG	P4	300	1	5			67	KHI	Vietnamese
20	ZHURBIN N.	P4	97	1	6			93	KHI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	8	558	10	71	1	25	6		
2	BK10	5	347	5	28	1	25	6		
3	P4	7	523	6	32	1	15	10		
TOTAL		20	1.428	21	131	3	65	22		
WEIGHT KG			1.428		131		65			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/10/2024	TO: RP1 - CTK3 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:35
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SƠN - VŨ	ETA: 16:25
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC CHAN	CTK3	54	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	56	1	4	4	70	75	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN THANH NAM	CTK3	62,64	2	9			67	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG SON	TD2	53	1	10			73	DVL	Vietnamese
5	PHAN VAN LE	TD2	49-50	2	13			67	T-TIN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LANG	TD2	47-48	2	20			63	T-TIN	Vietnamese
7	LE VAN TAI	TD2	45-46	2	10			78	PSV	Vietnamese
8	VO THANH NHAT	TD2	43	1	5			68	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN KHUONG	TD2	52	1	7			57	PSV	Vietnamese
10	ĐINH EM	TD2	51	1	3			70	PSV	Vietnamese
11	LE VAN GIAP	TD2	44	1	7			62	PSV	Vietnamese
12	ĐAO VAN TIEN	TD2	42	1	5			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	0	0	0	0	5	66	6+2		CHUYEN 2 PAX RP1-CTK3
2	CTK3	3	216	4	18	4	70	0		
3	TD2	9	598	12	80	0	0	16		
TOTAL		12	814	16	98	9	136	22		
WEIGHT KG			814		98		136			

GRAND TOAL: 1.048 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lily vsp